



Ký bởi: Sở Công thương (M)

Phụ lục
DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Giấy phép nhập khẩu số:4386/GP-SCT ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên thương mại	Thông tin thành phần hoá chất cần kiểm soát đặc biệt				Khối lượng (kg/lít)	Khối lượng quy đổi (kg)		Mô tả	Quốc gia xuất khẩu
		Tên hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Mã CAS	Hàm lượng (%)	Công thức hóa học		Thành phần hóa chất kiểm soát đặc biệt	Hỗn hợp chứa hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (trong trường hợp khối lượng hỗn hợp là lít)		
1	Precote 85 türkis/turquois	Toluene	108-88-3	C ₇ H ₈	25 – 50	250 kg	62,5 kg – 125 kg		Nhập khẩu hỗn hợp có tên thương mại Precote 85 türkis/turquois theo hóa đơn số 95005649 ngày 28/08/2026 ký với Công ty SurTec Deutschland GmbH. Thông tin chi tiết hóa chất theo MSDS đính kèm	Đức

2	Precote 80 rot/red	Toluene	108-88-3	C ₇ H ₈	25 - 50	175 kg	43,75 kg – 87,5 kg		Nhập khẩu hỗn hợp có tên thương mại Precote 80 rot/red theo hóa đơn số 95005649 ngày 28/08/2026 ký với Công ty SurTec Deutschland GmbH. Thông tin chi tiết hóa chất theo MSDS đính kèm	Đức
3	Precote 30 gelb/yellow	Toluene	108-88-3	C ₇ H ₈	10 – 25	75 kg	7,5 kg – 18,75 kg		Nhập khẩu hỗn hợp có tên thương mại Precote 30 gelb/yellow theo hóa đơn số 95005649 ngày 28/08/2026 ký với Công ty SurTec Deutschland GmbH. Thông tin chi tiết hóa chất theo MSDS đính kèm	Đức
4	Precote 10-1 green	Toluene	108-88-3	C ₇ H ₈	25 – 50	10 kg	2,5 kg – 5 kg		Nhập khẩu hỗn hợp có tên thương mại Precote 10-1 green theo hóa đơn số 95005649 ngày 28/08/2026 ký với Công ty SurTec Deutschland GmbH. Thông tin chi tiết hóa chất theo MSDS đính kèm	Đức